TÒA ÁN NHÂN DÂN Q.HẢI CHÂU **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2023/HS-ST
Ngày 22-3-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sanh
Ông Đặng Công Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Bích Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 13/2023/TLST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo:

Hà T1, tên gọi khác: Cu L; sinh ngày 01 tháng 01 năm 1965 tại Đà Nẵng. Nơi ĐKHKTT: Tổ 11 phường C, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định. Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà P (chết) và bà Đỗ Thị H (chết) , gia đình có 5 anh, em, bị cáo là con thứ 03; con là Hà Tiến T2, sinh năm 1992 và Hà Khánh T3, sinh năm 1993. Tiền sự: Không;

Tiền án:

+ Bản án số 06 ngày 14.01.1988, bị Tòa án nhân dân TP. Đà Nẵng xử phạt 18 tháng tù giam về các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản riêng của công dân" và "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân" theo điểm khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 158 BLHS.

+ Bản án số 83 ngày 11.8.1988, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng xử phạt 18 tháng tù giam về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân" và 06 tháng tù về tội "Trốn khỏi nơi giam" theo Điều 157 và Điều 245 BLHS.

+ Bản án số 169 ngày 23.9.1994, bị Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng và Bản án số 658 ngày 06.12.1994, bị Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 04 năm về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân" theo điểm d khoản 2 Điều 157 BLHS.

+ Bản án số 37/HSST ngày 24.4.1999, bị Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng và Bản án số 480 ngày 16.7.1999, của Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối

cao tại Đà Nẵng xử phạt 04 năm về tội "Trộm cắp tài sản của công dân" theo điểm d khoản 2 Điều 155 BLHS.

+ Bản án số 27/2005/HSST ngày 31.3.2005, bị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê xử phạt 36 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS.

+ Bản án số 58/2008/HSST ngày 27.6.2008, bị Tòa án nhân dân quận Hải Châu xử phạt 03 năm tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS.

+ Bản án số 44/2011/HSST ngày 02.7.2011, bị Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng và Bản án số 214/2011/HSPT ngày 16.9.2011 của Toà án nhân dân TP. Đà Nẵng xử phạt 06 năm tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c, e khoản 1 Điều 138 BLHS.

+ Bản án số 01/2018/HSST ngày 11.01.2018, bị Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xử phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 BLHS.

+ Bản án số 07/2020/HS-ST ngày 26.02.2020, bị Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn xử phạt 02 năm 06 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS. Chấp hành xong hình phạt ngày 09/4/2022.

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận Hải Châu ngày 11/10/2022, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

Ông Nguyễn Anh T4, sinh năm: 1978. Địa chỉ: K88/H10/05 L, phường V, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

Bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1964. Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

Ông Chu Hoàng A, sinh năm:1984. Địa chỉ: 58/21 H, Tổ 3 phường T, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Lữ Mạnh H, sinh năm: 1974. Địa chỉ: 76 T, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

Ông Lê Văn S, sinh năm: 1960. Địa chỉ: K179/H9/12 N, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm: 1959. Địa chỉ: K36/6 Y, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong các ngày 02 và 11.10.2022, Hà T1 đã 03 trộm cắp tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, cụ thể:

Lần 01: Khoảng 09 giờ ngày 02.10.2022, T1 đi bộ đến nhà số K88/H10/05 đường L, phường V, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, thấy nhà không khóa

cửa, bên trong không có người trông coi, T1 vào phòng khách, trộm cắp 01 laptop nhãn hiệu HP, màu xám trắng, màn hình 14 inch, Core I5 1.6GHz Ram 8GB của ông Nguyễn Anh T4. Sau đó, T1 đem Laptop nêu trên đến tiệm cầm đồ K, địa chỉ 76 T, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, bán cho ông Lữ Mạnh H với giá 2.600.000 đồng. Số tiền có được T1 đã mua 01 chiếc xe mô tô hiệu Nouvo, biển số 43S7-7384 của ông Lê Văn S với giá 1.400.000 đồng. Sau đó, ông H đã bán cho khách vãng lai (chưa xác định được lai lịch) được 3.000.000 đồng nên không thu hồi được.

Lần 02: Ngay sau vụ trộm trên, T1 vào nhà số 130 đường L, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng trộm cắp 01 điện thoại Samsung Galaxy A03S, màu đen của bà Nguyễn Thị K. Đã thu hồi được điện thoại

Theo Kết luận định giá tài sản số 136/KL-HĐĐG ngày 12.10.2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, UBND quận Thanh Khê, kết luận: 01 máy tính xách tay HP nêu trên có giá trị 5.000.000 đồng; 01 điện thoại di động nêu trên có giá trị 1.500.000 đồng. Tổng cộng: 6.500.000 đồng.

Lần 03: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 11.10.2022, T1 vào phòng khách nhà số K36/6 Y, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng lén lút trộm cắp 01 máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy Tab A, màu đen của ông Chu Hoàng A thì bị chị Nguyễn Thị Hồng P phát hiện, truy hô mọi người bắt giữ.

Theo Kết luận định giá tài sản số 133/KL-HDDGTS ngày 14.10.2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, UBND quận Hải Châu, kết luận: 01 máy tính bảng nêu trên có trị giá 1.650.000 đồng.

Như vậy, Hà T1 đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là: 8.150.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe môtô nhãn hiệu Yamaha, loại Novo, biển số 43S7-7384, số khung 121562, số máy 121562, màu đỏ đen (đã qua sử dụng).
- 750.000 đồng.
- 02 đĩa CD bên trong lưu trữ dữ liệu điện tử là video ghi nhận vụ việc xảy ra tại K88/H10/5 L, phường V, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.

Tại bản cáo trạng số 17/CT-VKS ngày 12/01/2023, Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Hà T1 về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Hà T1 từ 03 đến 04 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 750.000 đồng là tiền của Hà T1 không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo tuy nhiên để đảm bảo thi hành án nên đề nghị quy trữ số tiền này.

Về trách nhiệm dân sự:

Buộc Hà T1 phải bồi thường cho ông Nguyễn Anh T4 số tiền 5.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, quá trình xét hỏi bị cáo Hà T1 thừa nhận hành vi phạm tội như trong bản cáo trạng đã truy tố, đồng ý trả tiền lại cho ông Nguyễn Anh T4 số tiền 5.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Anh T4 trình bày: Đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định và yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho ông T4 số tiền 5.000.000 đồng.

Ông Chu Hoàng A trình bày: Ông A đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì, đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị cáo Hà T1 nói lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật mong HĐXX xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Hải Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về xác định tội phạm: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với chứng cứ lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó có cơ sở để xác định: Trong các ngày 02.10.2022 và 11.10.2022, trên địa bàn các quận Thanh Khê và Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Hà T1 đã thực hiện 03 lần trộm cắp tài sản là 01 laptop nhãn hiệu HP, màu xám trắng, màn hình 14 inch, Core I5 1.6GHz Ram 8GB của ông Nguyễn Anh T4, trị giá 5.000.000 đồng; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A03S, màu đen của bà Nguyễn Thị K, trị giá 1.500.000 đồng và 01 máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy Tab A, màu đen của ông Chu Hoàng A, trị giá 1.650.000 đồng. Tổng trị giá tài sản Hà T1 chiếm đoạt là 8.150.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo Hà T1 đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng truy tố bị cáo Hà T1 là có cơ sở và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thì thấy: Hà T1 không có việc làm và không có nơi cư trú ổn định, vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên đã lén lút thực hiện trộm cắp tài sản. T1 đã lợi dụng lúc người bị hại thiếu cảnh giác, không có người trông coi nên bị cáo đã thực

hiện ý định chiếm đoạt tài sản. Bị cáo đã bị Tòa án nhân dân TP. Đà Nẵng xử phạt 18 tháng tù giam về các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản riêng của công dân" và "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân" theo điểm khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 158 BLHS tại Bản án số 06 ngày 14.01.1988; bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng xử phạt 18 tháng tù giam về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân" và 06 tháng tù về tội "Trốn khỏi nơi giam" theo Điều 157 và Điều 245 BLHS tại Bản án số 83 ngày 11.8.1988; bị Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 04 năm về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân" theo điểm d khoản 2 Điều 157 BLHS tại bản án số 658 ngày 06/12/1994; bị Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 04 năm về tội "Trộm cắp tài sản của công dân" theo điểm d khoản 2 Điều 155 BLHS tại Bản án số 480 ngày 16.7.1999; bị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê xử phạt 36 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS tại bản án số 27/2005/HSST ngày 31.3.2005; bị Tòa án nhân dân quận Hải Châu xử phạt 03 năm tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS tại Bản án số 58/2008/HSST ngày 27.6.2008; bị Toà án nhân dân TP. Đà Nẵng xử phạt 06 năm tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c, e khoản 1 Điều 138 BLHS tại Bản án số 214/2011/HSPT ngày 16.9.2011; bị Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xử phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 BLHS tại Bản án số 01/2018/HSST ngày 11.01.2018; bị Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn xử phạt 02 năm 06 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS tại Bản án số 07/2020/HS-ST ngày 26.02.2020, chấp hành xong hình phạt ngày 09/4/2022, chưa được xóa án tích đã thực hiện hành vi phạm tội, hành vi phạm tội của bị cáo là tái phạm nguy hiểm nên bị cáo phải chịu trách nhiệm theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo đã bị xử phạt tù nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng bản thân mà tiếp tục sa vào con đường phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải xử phạt cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo.

Về các tình tiết tăng nặng: Không có.

Về các tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội nên khi quyết định mức hình phạt Hội đồng xét xử áp dụng các điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Đối với Lữ Mạnh H là người mua máy tính xách tay do T1 bán, tuy nhiên ông H không biết là tài sản do T1 trộm cắp mà có nên CQĐT không xử lý đối với H là có căn cứ.

[4] Về xử lý tang vật và trách nhiệm dân sự:

Cơ quan CSĐT Công an quận Hải Châu đã trả lại cho bà Nguyễn Thị K 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A03s màu đen và ông Chu Hoàng A 01 máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy TabA (8,0''2019), bà K và ông A đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Anh T4 yêu cầu Hà T1 bồi thường 01 laptop nhãn hiệu HP, số tiền 5.000.000 đồng, HĐXX xét thấy máy tính xách tay ông Nguyễn Anh T4 bị mất là 01 laptop nhãn hiệu HP, màu xám trắng, màn hình 14 inch, Core I5 1.6GHz Ram 8GB theo kết luận định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thì tài sản trên có giá trị 5.000.000 đồng nên yêu cầu này là có cơ sở HĐXX chấp nhận. Buộc Hà T1 phải bồi thường cho ông Nguyễn Anh T4 số tiền 5.000.000 đồng.

Đối với xe môtô nhãn hiệu Yamaha, loại Nouvo, biển số 43S7-7384 do anh Lê Trúc V (HKTT: Tổ 44, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng) đứng tên đăng ký, nhưng hiện nay anh V không có mặt tại địa phương. Chưa đủ căn cứ xác định chủ sở hữu hợp pháp nên Cơ quan CSĐT Công an quận Hải Châu tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau.

Đối với số tiền 750.000 đồng thu giữ của bị cáo Hà T1 là tài sản của bị cáo nên tuyên trả lại cho bị cáo. Tuy nhiên để đảm bảo thi hành án nên quy trữ số tiền này.

Vật chứng trên, hiện Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/02/2023.

Xét những đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tại phiên tòa hôm nay là có cơ sở, HĐXX chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Hà T1 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Xử phạt: Hà T1 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt tạm giữ, ngày 11/10/2022.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Quy trữ số tiền 750.000 đồng thu giữ của bị cáo Hà T1 để đảm bảo thi hành án.

Vật chứng trên, hiện Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/02/2023.

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584; Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự;

Xử: Buộc Hà T1 có nghĩa vụ bồi thường cho ông Nguyễn Anh T4 số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Bị cáo Hà T1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- CA quận Hải Châu;
- VKSND quận Hải Châu;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Phương Thảo